

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03-03-2025

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sơn Quan

Bà Nguyễn Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kiến Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc: Tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐ-ST, ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1993. Nơi cư trú: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T (N), sinh năm 1976. Nơi cư trú: Số D W, C, OH D, Hoa Kỳ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 11/5/2023, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 28/11/2023 nguyên đơn Nguyễn Thị Yến N trình bày: Vào năm 2016 chị N và anh T quen biết và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng ngày 24/3/2016. Do anh T là việt kiều Mỹ nên không thường lưu trú ở Việt Nam nên một năm vợ chồng gặp nhau được 1 đến 2 lần, mỗi lần về thì ở được vài tháng rồi đi, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau, từ tháng 3/2022 anh T có về Việt Nam nhưng anh T và chị N không gặp nhau và ly thân từ thời gian đó đến nay và không còn liên lạc với nhau. Nhận thấy đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Nguyễn Thị Yến N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T (N) và xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 29/12/2016 hiện đang sống cùng chị Nguyễn Thị Yến N. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn K và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T (Nguyễn Thiên):

- Ngày 28/11/2023, Tòa án có Công văn số 177/TTTPDS – TA61, gửi đến Bộ Tư Pháp yêu cầu ủy thác tổng đạt hồ sơ xin ly hôn của chị N đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T (N). Ngày 28/11/2024 Tòa án nhận được Công văn số 3392/BTP-PLQT ngày 08/11/2024 của Bộ Tư pháp thông báo về việc cơ quan có thẩm quyền H chủng quốc Hoa Kỳ không thực hiện được ủy thác cho anh Nguyễn Văn T (N) vì anh T không còn ở tại địa chỉ được yêu cầu.

Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến khi giải quyết vụ án, đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 469, điểm c khoản 6, Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Yến N.

+ Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Yến N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T (N)

+ Về con chung: giao con chung Nguyễn K, sinh ngày 29/12/2016 cho chị Nguyễn Thị Yến N tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn T (N1) không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền tới lui chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về án phí: chị Yến N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

- Về lệ phí: chị Yến N phải chịu lệ phí ủy thác 200.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Viện kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Yến N với anh Nguyễn Văn T là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Việc ly hôn giữa công dân Việt Nam là chị Nguyễn Thị Yến N với đương sự là Nguyễn Văn T (N) đang ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Yến N có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn Nguyễn Văn T (N): Ngày 28/11/2023, Tòa án có Công văn số 177/TTTPDS – TA61, gửi đến Bộ Tư Pháp yêu cầu ủy thác tổng đạt hồ sơ xin ly hôn của chị N đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T (N). Ngày 28/11/2024 Tòa án nhận được Công văn số 3392/BTP-PLQT ngày 08/11/2024 của Bộ Tư pháp thông báo về việc cơ quan có thẩm quyền H chủng quốc Hoa Kỳ không thực hiện được ủy thác cho anh Nguyễn Văn T (N) vì anh T không còn ở tại địa chỉ được yêu cầu.

Ngày 14/11/2024 chị Nguyễn Thị Yến N có đơn yêu cầu Tòa án đăng tin thông báo đối với anh Nguyễn Văn T (N) trên Đ (VOV5).

Ngày 05/12/2024 Tòa án có công văn số 296/TAT-GĐ&NCTN gửi Ban đối ngoại - Đ đề nghị đăng tin thông báo cho bị đơn Nguyễn Văn T (N) 03 lần trong 03 ngày liên tiếp nội dung thông báo cho anh Nguyễn Văn T (N) đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long dự phiên tòa xét xử vụ án sẽ được mở vào ngày 10/2/2025, nếu anh Nguyễn Văn T (N) vắng mặt Tòa án sẽ mở lại phiên tòa vào ngày 03/3/2025 nhưng đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của anh Nguyễn Văn T (N) và anh Nguyễn Văn T (N) cũng không có mặt tại phiên xét xử vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp thì chị N và anh Nguyễn Văn T (Nguyen Thien) đã đăng ký kết hôn ngày 24/3/2016, do đó hôn nhân giữa chị N và anh Nguyễn Văn T (N) là hợp pháp.

Chị N xác định, sau khi kết hôn, chị N ở Việt Nam còn anh Nguyễn Văn T (N) về Hoa Kỳ sinh sống, 01 năm anh Nguyễn Văn T (N) về Việt Nam 01 đến 02 lần, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến tháng 3/2022 vợ chồng ly thân. Xét thấy, chị N và anh Nguyễn Văn T (Nguyen T1) không còn quan tâm nhau, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình, hiện nay chị N sống ở Việt Nam còn anh Nguyễn Văn T (Nguyen Thien) sống tại Hoa Kỳ, vợ chồng ly thân từ tháng 3/2022 đến nay. Do chị N và anh Nguyễn Văn T (N) vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình của N2 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho chị N ly hôn anh Nguyễn Văn T (N) là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Theo trích lục khai sinh ngày 16/02/2017 xác định trong thời kỳ hôn nhân chị N và anh Nguyễn Văn T (N) có 01 con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 29/12/2016 hiện do chị N nuôi dưỡng, nay chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh Nguyễn Văn T (N) cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân con chung do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn T (N1) không có ý kiến trình bày và yêu

câu về con chung. Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai của con chung Nguyễn K, thể hiện nguyện vọng con chung Nguyễn K muốn sống với mẹ là chị N. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung nên giao con chung Nguyễn K, sinh ngày 29/12/2016 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm và chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí ủy thác theo quy định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153; điểm a khoản 2 Điều 227; điểm c khoản 5 Điều 477; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Khoản 1 Điều 56, Điều 80, Điều 81, Điều 123, khoản 1 Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến N.

1. Về quan hệ hôn nhân cho chị Nguyễn Thị Yến N được ly hôn với và anh Nguyễn Văn T (N).

2. Về con chung: giao con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 29/12/2016 cho chị Nguyễn Thị Yến N tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn T (N1) không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền tới lui chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Yến N phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014843 ngày 15/11/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị Nguyễn Thị Yến N đã nộp xong.

6. Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Chị Nguyễn Thị Yến N phải nộp 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) chi phí thực hiện ủy thác tư pháp. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014855 ngày 30/11/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị Nguyễn Thị Yến N đã nộp xong.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn T (N) được quyền kháng cáo trong hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- CATAND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Nguyễn Thị Tư